

Số: 3255 /QĐ-UBND

Đắk Lắk, ngày 09 tháng 10 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt “Đề án phát triển nhân lực y tế chất lượng cao tỉnh Đắk Lắk đến năm 2030 và định hướng đến năm 2045”

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 09/01/2023;

Căn cứ Nghị quyết số 261/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá cho công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân;

Căn cứ Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09/9/2025 của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân;

Căn cứ Nghị quyết số 282/NQ-CP ngày 15/9/2025 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09/9/2025 của Bộ Chính trị;

Căn cứ Chương trình hành động số 05-CTr/TU ngày 10/12/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09/9/2025 của Bộ Chính trị;

Căn cứ Kế hoạch số 23/KH-UBND ngày 27/01/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09/9/2025 của Bộ Chính trị;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Y tế tại Tờ trình số 253/TTr-SYT ngày 25/8/2026, Báo cáo số 581/BC-SYT ngày 25/9/2026 và trên cơ sở ý kiến của Thành viên UBND tỉnh tại Nghị quyết số 685/NQ-UBND ngày 15/9/2026 về việc thông qua dự thảo Đề án phát triển nhân lực y tế chất lượng cao tỉnh Đắk Lắk đến năm 2030, định hướng đến năm 2045.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt “Đề án phát triển nhân lực y tế chất lượng cao tỉnh Đắk Lắk đến năm 2030 và định hướng đến năm 2045” (kèm theo).

Điều 2. Giao Sở Y tế phối hợp với các sở, ban, ngành, đoàn thể, Ủy ban nhân dân các xã, phường và các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức triển khai

thực hiện có hiệu quả các nội dung của Đề án; bảo đảm công bằng, tiết kiệm, hiệu quả, theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 3. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Y tế, Nội vụ, Tài chính; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; người đứng đầu các đơn vị sự nghiệp y tế công lập và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận

- Như Điều 3;
- Bộ Y tế (b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- Đảng ủy, HĐND, UBND các xã, phường;
- Phòng NV; TTCN&CTTĐT tỉnh;
- Báo và PTTH tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX_(Th).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thiên Văn

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

ĐỀ ÁN

**Phát triển nhân lực y tế chất lượng cao tỉnh Đắk Lắk
đến năm 2030 và định hướng đến năm 2045**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 3255/QĐ-UBND ngày 09/10/2026
của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

PHẦN I

SỰ CẦN THIẾT VÀ CƠ SỞ CHÍNH TRỊ, PHÁP LÝ

I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

Trong những năm gần đây, cùng với sự phát triển kinh tế - xã hội và yêu cầu ngày càng cao của Nhân dân đối với công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe, hệ thống y tế đứng trước yêu cầu phải tiếp tục đổi mới toàn diện nhằm nâng cao chất lượng khám bệnh, chữa bệnh, y tế dự phòng và chăm sóc sức khỏe ban đầu. Bên cạnh đó, mô hình bệnh tật đang chuyển dịch theo hướng gia tăng các bệnh không lây nhiễm, già hóa dân số, sự xuất hiện của các dịch bệnh mới cùng với yêu cầu đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng khoa học, công nghệ và kỹ thuật y học hiện đại đã đặt ra yêu cầu ngày càng cao đối với chất lượng nguồn nhân lực y tế.

Trong bối cảnh đó, nguồn nhân lực y tế, đặc biệt là nguồn nhân lực y tế chất lượng cao, giữ vai trò then chốt trong việc nâng cao chất lượng dịch vụ y tế, làm chủ kỹ thuật chuyên sâu, phát triển nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và xây dựng hệ thống y tế hiện đại, công bằng, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu chăm sóc sức khỏe Nhân dân trong tình hình mới.

Thời gian qua, được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh cùng sự phối hợp của các sở, ban, ngành và địa phương, ngành Y tế Đắk Lắk đã có nhiều bước phát triển quan trọng. Hệ thống y tế tiếp tục được củng cố, mạng lưới cơ sở y tế từng bước được hoàn thiện; chất lượng khám bệnh, chữa bệnh không ngừng được nâng cao; đội ngũ công chức, viên chức và người lao động được bổ sung cả về số lượng và chất lượng. Hiện nay, toàn ngành y tế có 7.108 công chức, viên chức và người lao động, trong đó có 6.146 người có chuyên môn y tế (chiếm 86,47%) và 1.757 bác sĩ (chiếm 24,72% tổng số nhân lực), cơ bản đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ trong giai đoạn hiện nay.

Tuy nhiên, trước yêu cầu phát triển của ngành y tế và mục tiêu xây dựng hệ thống y tế hiện đại, nguồn nhân lực y tế chất lượng cao của tỉnh vẫn còn nhiều

hạn chế. Đội ngũ bác sĩ, chuyên gia có trình độ chuyên môn sâu còn thiếu, nhất là ở các chuyên ngành kỹ thuật cao; chưa hình thành được đội ngũ chuyên gia đầu ngành đủ năng lực dẫn dắt chuyên môn, nghiên cứu khoa học và đào tạo nguồn nhân lực kế cận. Toàn ngành y tế hiện có 989 người có trình độ sau đại học, chiếm 13,91% tổng số nhân lực, trong đó chỉ có 06 tiến sĩ, 138 người có trình độ chuyên khoa II, 220 thạc sĩ và 625 chuyên khoa I. Việc phân bố nhân lực giữa các tuyến, các địa bàn còn chưa hợp lý; khu vực vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số vẫn còn thiếu bác sĩ và nhân lực có trình độ chuyên môn cao.

Bên cạnh đó, tình trạng dịch chuyển nhân lực từ khu vực công lập sang khu vực ngoài công lập hoặc đến các địa phương có điều kiện phát triển hơn vẫn diễn ra; trong khi các cơ chế, chính sách về thu hút, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng và đãi ngộ nhân lực chất lượng cao tuy đã được quan tâm nhưng chưa thật sự đồng bộ, chưa đủ sức cạnh tranh để thu hút và giữ chân đội ngũ bác sĩ, chuyên gia giỏi gần bó lâu dài với tỉnh. Những hạn chế này ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng khám bệnh, chữa bệnh, khả năng triển khai kỹ thuật chuyên sâu, chuyển giao công nghệ và nâng cao năng lực của hệ thống y tế.

Thực hiện Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09/9/2025 của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 261/2025/QH15 của Quốc hội, Nghị quyết số 282/NQ-CP của Chính phủ, Chương trình hành động số 05-CTr/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Kế hoạch số 23/KH-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh, việc xây dựng Đề án phát triển nhân lực y tế chất lượng cao tỉnh Đắk Lắk đến năm 2030 và định hướng đến năm 2045 là yêu cầu khách quan, cấp thiết nhằm tạo cơ sở triển khai đồng bộ các cơ chế, chính sách về đào tạo, thu hút, sử dụng, đãi ngộ và phát triển nguồn nhân lực y tế chất lượng cao; ưu tiên phát triển đội ngũ chuyên gia đầu ngành, nhân lực có trình độ sau đại học và các chuyên ngành kỹ thuật cao; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực ở tất cả các tuyến, nhất là tuyến cơ sở, vùng sâu, vùng xa và vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Việc triển khai Đề án góp phần nâng cao chất lượng khám bệnh, chữa bệnh, phát triển kỹ thuật chuyên sâu, đẩy mạnh chuyển đổi số, tăng cường năng lực hệ thống y tế công lập, giảm tỷ lệ chuyển tuyến và từng bước xây dựng ngành Y tế Đắk Lắk phát triển hiện đại, bền vững, đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân, phù hợp với định hướng xây dựng Đắk Lắk trở thành trung tâm y tế của khu vực Tây Nguyên.

II. CƠ SỞ CHÍNH TRỊ, PHÁP LÝ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

1. Cơ sở chính trị

Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân trong tình hình mới;

Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09/9/2025 của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân;

2. Cơ sở pháp lý

Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 09/01/2023;

Luật Viên chức ngày 10/12/2025;

Luật Giáo dục ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục ngày 10/12/2025;

Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Nghị quyết số 261/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá cho công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân;

Nghị quyết số 282/NQ-CP ngày 15/9/2025 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09/9/2025 của Bộ Chính trị;

Quyết định số 89/QĐ-TTg ngày 23/01/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Quyết định số 201/QĐ-TTg ngày 27/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch mạng lưới cơ sở y tế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Quyết định số 869/QĐ-BYT ngày 08/4/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế phê duyệt Đề án "Phát triển nguồn nhân lực y tế giai đoạn 2023-2030, định hướng đến năm 2050";

Quyết định số 1658/QĐ-BYT ngày 08/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc điều chỉnh Quy hoạch mạng lưới cơ sở y tế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Chương trình hành động số 05-CTr/TU ngày 10/12/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09/9/2025 của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân trên địa bàn tỉnh;

Kế hoạch số 30-KH/ĐU ngày 22/01/2026 của Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh về triển khai thực hiện Chương trình hành động số 05-CTr/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy;

Kế hoạch số 23/KH-UBND ngày 27/01/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09/9/2025 của Bộ Chính trị.

PHẦN II

THỰC TRẠNG NHÂN LỰC NGÀNH Y TẾ VÀ NHU CẦU NHÂN LỰC Y TẾ CHẤT LƯỢNG CAO

I. THỰC TRẠNG TỔ CHỨC BỘ MÁY, NHÂN LỰC NGÀNH Y TẾ

1. Tổ chức bộ máy

1.1. Cơ quan Sở Y tế

- Lãnh đạo Sở Y tế: có Giám đốc và 05 Phó Giám đốc.
- Các tổ chức tham mưu tổng hợp, chuyên môn nghiệp vụ thuộc Sở Y tế: Có 07 phòng, gồm: Văn phòng, Phòng Tổ chức cán bộ, Phòng Kế hoạch - Tài chính, Phòng Nghiệp vụ Y - Dược, Phòng Dân số, Phòng An toàn thực phẩm và Phòng Bảo trợ xã hội.

1.2. Các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Y tế: có 46 đơn vị, gồm:

- 14 bệnh viện, trong đó: 05 bệnh viện đa khoa (Bệnh viện Đa khoa vùng Tây Nguyên, Bệnh viện Đa khoa Phú Yên, Bệnh viện Đa khoa Buôn Ma Thuột, Bệnh viện Đa khoa Buôn Hồ và Bệnh viện Đa khoa khu vực 333); 09 bệnh viện chuyên khoa (Bệnh viện Sản - Nhi tỉnh Đắk Lắk, Bệnh viện Mắt Đắk Lắk, Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Đắk Lắk, Bệnh viện Phổi tỉnh Đắk Lắk; Bệnh viện Phục hồi chức năng tỉnh Đắk Lắk, Bệnh viện Tâm thần tỉnh Đắk Lắk, Bệnh viện Da liễu tỉnh Đắk Lắk, Bệnh viện Y học cổ truyền Phú Yên, Bệnh viện Mắt Phú Yên).
- 06 trung tâm tuyến tỉnh lĩnh vực y tế, gồm: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Đắk Lắk, Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Đắk Lắk, Trung tâm Giám định y khoa tỉnh Đắk Lắk, Trung tâm Pháp y tỉnh Đắk Lắk, Trung tâm Cấp cứu 115 Phú Yên; Trung tâm Huyết học Truyền máu tỉnh Đắk Lắk.
- 02 trung tâm tuyến tỉnh lĩnh vực bảo trợ xã hội, gồm: Trung tâm Nuôi dưỡng người có công và Công tác xã hội Phú Yên, Trung tâm Bảo trợ xã hội và Trẻ em tỉnh Đắk Lắk; 24 Trung tâm Y tế khu vực.

1.3. Các Trạm Y tế cấp xã: 102 Trạm Y tế trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã; Sở Y tế chỉ đạo, hỗ trợ, hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ.

1.4. Ngoài các cơ sở y tế công lập trực thuộc Sở Y tế, trên địa bàn tỉnh còn có các cơ sở y tế khác, gồm:

- 02 Bệnh viện thuộc các bộ, ngành đóng trên địa bàn tỉnh: Bệnh viện Trường Đại học Tây Nguyên và Bệnh viện Công an tỉnh.
- 09 Bệnh viện ngoài công lập: Bệnh viện Đa khoa Thiện Hạnh, Bệnh viện Mắt Tây Nguyên, Bệnh viện Đa khoa Cao Nguyên, Bệnh viện Nhi Đức Tâm, Bệnh

viện Đa khoa Hòa Bình, Bệnh viện Đại học Y Dược Buôn Ma Thuột, Bệnh viện Mắt Khải Hoàn, Bệnh viện Việt Mỹ Phú Yên, Bệnh viện Mắt Sài Gòn Phú Yên.

2. Tình hình nhân lực hiện có ngành Y tế

2.1. Tình hình nhân lực chung

2.1.1. Nhân lực ngành Y tế

- Tổng số lượng công chức, viên chức, người lao động hiện có: 7.108 người, trong đó: nhân lực có chuyên môn y tế: 6.146, chiếm tỷ lệ 86,47%; nhân lực khác: 962 người, chiếm tỷ lệ 13,53%, cụ thể:

* Nhân lực y tế: 6.146

+ 1.757 bác sĩ/7.108 (chiếm tỷ lệ: 24,72%);

+ 499 dược sĩ/7.108 (chiếm tỷ lệ: 7,02%);

+ 2.455 điều dưỡng/7.108 (chiếm tỷ lệ: 34,54%);

+ 398 hộ sinh/7.108 (chiếm tỷ lệ: 5,60%);

+ 649 kỹ thuật y/7.108 (chiếm tỷ lệ: 9,13%);

+ 176 y tế công cộng/7.108 (chiếm tỷ lệ: 2,48%);

+ 212 y sĩ/7.108 (chiếm tỷ lệ: 2,98%);

* 962 nhân viên khác/7.108 (chiếm tỷ lệ: 13,53%).

- Tỷ lệ bác sĩ trên vạn dân: 8,63

2.1.2. Nhân lực tại Trạm Y tế cấp xã

Tổng số lượng viên chức, người lao động hiện có: 2.648 người.

+ 255 bác sĩ (chiếm tỷ lệ: 9,62%);

+ 317 dược sĩ (chiếm tỷ lệ: 11,97%);

+ 502 điều dưỡng (chiếm tỷ lệ: 18,96%);

+ 295 hộ sinh (chiếm tỷ lệ: 11,14%);

+ 73 kỹ thuật y (chiếm tỷ lệ: 2,76%);

+ 95 y tế công cộng (chiếm tỷ lệ: 3,59%);

+ 934 y sĩ (chiếm tỷ lệ: 35,27%);

+ 177 nhân viên khác (chiếm tỷ lệ: 6,68%).

2.2. Tình hình nhân lực y tế chất lượng cao

2.2.1. Nhân lực có trình độ sau đại học ngành Y tế

Tổng số nhân lực y tế có trình độ sau đại học: 989 người, chiếm tỷ lệ 13,91% nhân lực toàn ngành, cụ thể:

TT	Trình độ chuyên môn	Số hiện có	
		Số lượng	Tỷ lệ %
I	Tổng nhân lực sau đại học	989	13,91
1	Tiến sĩ	6	0,08
2	Chuyên khoa II	138	1,94
2.1	Bác sĩ chuyên khoa II	88	1,24
2.2	Dược sĩ chuyên khoa II	3	0,04
2.3	Điều dưỡng chuyên khoa II	0	0,00
2.4	Hộ sinh chuyên khoa II	0	0,00
2.5	Kỹ thuật y chuyên khoa II	0	0,00
2.6	Y tế công cộng chuyên khoa II	0	0,00
2.7	Chuyên khoa II Quản lý y tế	47	0,66
2.8	Chuyên khoa II chuyên ngành khác	0	0,00
3	Thạc sĩ	220	3,10
3.1	Thạc sĩ bác sĩ	40	0,56
3.2	Thạc sĩ chuyên ngành dược	3	0,04
3.3	Thạc sĩ chuyên ngành điều dưỡng	2	0,03
3.4	Thạc sĩ chuyên ngành hộ sinh	0	0,00
3.5	Thạc sĩ chuyên ngành kỹ thuật y	28	0,39
3.6	Thạc sĩ chuyên ngành Y tế công cộng	21	0,30
3.7	Thạc sĩ chuyên ngành quản lý y tế, bệnh viện	14	0,20
3.8	Thạc sĩ chuyên ngành khác	112	1,58
4	Chuyên khoa I	625	8,79
4.1	Bác sĩ chuyên khoa I	526	7,40
4.2	Dược sĩ chuyên khoa I	38	0,53
4.3	Điều dưỡng chuyên khoa I	0	0,00
4.4	Hộ sinh chuyên khoa I	0	0,00
4.5	Kỹ thuật y chuyên khoa I	2	0,03
4.6	Y tế công cộng chuyên khoa I	59	0,83
4.7	Chuyên khoa I quản lý y tế, quản lý bệnh viện	0	0,00
4.8	Chuyên khoa I chuyên ngành khác	0	0,00
II	Trình độ chuyên môn khác (ĐH, CĐ, TC...)	6.119	86,09
	Tổng cộng	7.108	100

2.2.2. Nhân lực có trình độ sau đại học tại các Trạm Y tế cấp xã

Tổng số nhân lực y tế có trình độ sau đại học: 35 người, chiếm tỷ lệ 1,32% so với tổng số nhân lực Trạm Y tế cấp xã, cụ thể:

TT	Trình độ chuyên môn	Số hiện có	
		Số lượng	Tỷ lệ %
I	Tổng nhân lực sau đại học	35	1,32
1	Tiến sĩ	0	0,00
2	Chuyên khoa II	1	0,04
2.1	Bác sĩ chuyên khoa II	0	0,00
2.2	Dược sĩ chuyên khoa II	0	0,00
2.3	Điều dưỡng chuyên khoa II	0	0,00
2.4	Hộ sinh chuyên khoa II	0	0,00
2.5	Kỹ thuật y chuyên khoa II	0	0,00
2.6	Y tế công cộng chuyên khoa II	1	0,04
2.7	Chuyên khoa II Quản lý y tế	0	0,00
2.8	Chuyên khoa II chuyên ngành khác	0	0,00
3	Thạc sĩ	0	0,00
3.1	Thạc sĩ bác sĩ	0	0,00
3.2	Thạc sĩ chuyên ngành dược	0	0,00
3.3	Thạc sĩ chuyên ngành điều dưỡng	0	0,00
3.4	Thạc sĩ chuyên ngành hộ sinh	0	0,00
3.5	Thạc sĩ chuyên ngành kỹ thuật y	0	0,00
3.6	Thạc sĩ chuyên ngành Y tế công cộng	0	0,00
3.7	Thạc sĩ chuyên ngành quản lý y tế, bệnh viện	0	0,00
3.8	Thạc sĩ chuyên ngành khác	0	0,00
4	Chuyên khoa I	34	1,28
4.1	Bác sĩ chuyên khoa I	19	0,71
4.2	Dược sĩ chuyên khoa I	0	0,00
4.3	Điều dưỡng chuyên khoa I	0	0,00
4.4	Hộ sinh chuyên khoa I	0	0,00
4.5	Kỹ thuật y chuyên khoa I	0	0,00
4.6	Y tế công cộng chuyên khoa I	15	0,56
4.7	Chuyên khoa I quản lý y tế, quản lý bệnh viện	0	0,00
4.8	Chuyên khoa I chuyên ngành khác	0	0,00
II	Trình độ chuyên môn khác (ĐH, CĐ, TC...)	2.613	98,68
	Tổng cộng	2.648	100

II. NHU CẦU ĐÀO TẠO, THU HÚT NHÂN LỰC Y TẾ CHẤT LƯỢNG CAO ĐẾN NĂM 2030

TT	Trình độ chuyên môn	Nhu cầu đào tạo, thu hút đến năm 2030
I	Bác sĩ	750
II	Tổng nhân lực sau đại học	1.337
1	Tiến sĩ	5
2	Chuyên khoa II	217
2.1	Bác sĩ chuyên khoa II	155
2.2	Dược sĩ chuyên khoa II	5
2.3	Điều dưỡng chuyên khoa II	5
2.4	Hộ sinh chuyên khoa II	0
2.5	Kỹ thuật y chuyên khoa II	21
2.6	Y tế công cộng chuyên khoa II	5
2.7	Chuyên khoa II Quản lý y tế, Quản lý bệnh viện	21
2.8	Chuyên khoa II chuyên ngành khác	5
3	Thạc sĩ	75
3.1	Thạc sĩ bác sĩ	10
3.2	Thạc sĩ chuyên ngành dược	5
3.3	Thạc sĩ chuyên ngành điều dưỡng	25
3.4	Thạc sĩ chuyên ngành hộ sinh	0
3.5	Thạc sĩ chuyên ngành kỹ thuật y	10
3.6	Thạc sĩ chuyên ngành Y tế công cộng	6
3.7	Thạc sĩ chuyên ngành quản lý y tế, quản lý bệnh viện	12
3.8	Thạc sĩ chuyên ngành khác	7
4	Chuyên khoa I	1.040
4.1	Bác sĩ chuyên khoa I, bác sĩ nội trú	850
4.2	Dược sĩ chuyên khoa I	35
4.3	Điều dưỡng chuyên khoa I	31
4.4	Hộ sinh chuyên khoa I	0
4.5	Kỹ thuật y chuyên khoa I	90
4.6	Y tế công cộng chuyên khoa I	18
4.7	Chuyên khoa I quản lý y tế, quản lý bệnh viện	11
4.8	Chuyên khoa I chuyên ngành khác	5
	Tổng cộng	2.087

Qua rà soát cho thấy nguồn nhân lực y tế của tỉnh cơ bản đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ; tuy nhiên, tỷ lệ nhân lực trình độ sau đại học còn thấp, thiếu chuyên gia đầu ngành, cơ cấu chuyên môn chưa đồng đều giữa các tuyến, một số chuyên ngành còn thiếu nhân lực, nhất là tại vùng sâu, vùng xa và vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

PHẦN III QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

1. Phát triển nguồn nhân lực y tế chất lượng cao là nhiệm vụ trọng tâm, có ý nghĩa chiến lược trong phát triển hệ thống y tế của tỉnh; là yếu tố quyết định nâng cao chất lượng bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân, đáp ứng yêu cầu phát triển ngành Y tế trong tình hình mới. Việc phát triển nguồn nhân lực phải bảo đảm đồng bộ về số lượng, chất lượng, cơ cấu chuyên môn và phân bố hợp lý giữa các tuyến, các lĩnh vực và địa bàn, ưu tiên vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

2. Phát triển nguồn nhân lực y tế chất lượng cao phải được thực hiện đồng bộ từ đào tạo, bồi dưỡng, thu hút, tuyển dụng, sử dụng, đãi ngộ và phát triển nghề nghiệp; gắn với vị trí việc làm, nhu cầu thực tiễn của từng đơn vị, quy hoạch phát triển mạng lưới cơ sở y tế và lộ trình phát triển của ngành Y tế tỉnh Đắk Lắk.

3. Đầu tư phát triển nguồn nhân lực y tế là đầu tư cho phát triển bền vững. Ngân sách nhà nước giữ vai trò chủ đạo, đồng thời huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực hợp pháp của tổ chức, doanh nghiệp và các đối tác trong nước, quốc tế nhằm đa dạng hóa nguồn lực cho đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao kỹ thuật và phát triển nguồn nhân lực y tế chất lượng cao.

4. Phát triển nguồn nhân lực y tế phải lấy người bệnh làm trung tâm, lấy chất lượng dịch vụ y tế, hiệu quả hoạt động của hệ thống y tế và sự hài lòng của người dân làm thước đo; đồng thời tăng cường ứng dụng khoa học, công nghệ, chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo, xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, minh bạch và tạo điều kiện để đội ngũ nhân lực y tế phát huy năng lực, gắn bó, cống hiến lâu dài với ngành và địa phương.

PHẦN IV MỤC TIÊU, PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG CỦA ĐỀ ÁN

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Phát triển nguồn nhân lực y tế chất lượng cao của tỉnh Đắk Lắk bảo đảm đủ về số lượng, hợp lý về cơ cấu, có trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, năng lực quản lý, y đức và khả năng ứng dụng khoa học, công nghệ đáp ứng yêu

cầu bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân trong tình hình mới. Xây dựng đội ngũ chuyên gia, bác sĩ và nhân lực y tế có trình độ chuyên môn cao, đáp ứng yêu cầu phát triển hệ thống y tế hiện đại, công bằng, chất lượng, hiệu quả và hội nhập; từng bước đưa Đắk Lắk trở thành trung tâm y tế của khu vực Tây Nguyên.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

2.1. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực y tế

100% viên chức, người lao động ngành Y tế đáp ứng tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, nghề nghiệp theo quy định.

100% cán bộ quản lý các cơ sở y tế được bồi dưỡng về quản lý y tế, quản trị bệnh viện và chuyển đổi số.

Đào tạo, bồi dưỡng và thu hút nguồn nhân lực, trong đó: bổ sung khoảng 750 bác sĩ; đào tạo, phát triển 1.337 lượt nhân lực có trình độ sau đại học, gồm:

- Tiến sĩ, chuyên khoa II: 222 người;
- Thạc sĩ, chuyên khoa I và bác sĩ nội trú: 1.115 người.

2.2. Phát triển đội ngũ bác sĩ và nhân lực chuyên môn chất lượng cao

Đạt tối thiểu 10,2 bác sĩ/vạn dân.

100% bệnh viện tuyến tỉnh có đủ bác sĩ chuyên khoa tại các chuyên ngành trọng điểm theo quy định của Bộ Y tế.

Phần đầu tỷ lệ bác sĩ có trình độ sau đại học tại các bệnh viện tuyến tỉnh đạt 50–60%.

100% trung tâm y tế khu vực có bác sĩ chuyên khoa thuộc các chuyên ngành thiết yếu.

Phát triển đội ngũ dược sĩ, điều dưỡng, kỹ thuật y, y tế công cộng và quản lý bệnh viện phù hợp với cơ cấu vị trí việc làm và yêu cầu chuyên môn.

2.3. Phát triển chuyên gia đầu ngành và kỹ thuật chuyên sâu

Thu hút, đào tạo từ 20-30 chuyên gia đầu ngành trong các lĩnh vực chuyên môn mũi nhọn.

Phần đầu tối thiểu 60% trưởng khoa, phó trưởng khoa chuyên môn tại các bệnh viện đa khoa tuyến tỉnh có trình độ chuyên khoa II hoặc tiến sĩ.

Hình thành đội ngũ chuyên gia đủ năng lực tiếp nhận, làm chủ và chuyển giao các kỹ thuật chuyên sâu theo định hướng phát triển của ngành.

Tiếp nhận và triển khai từ 10-15 kỹ thuật mới hằng năm từ các bệnh viện tuyến trung ương.

2.4. Bảo đảm nhân lực cho hệ thống y tế

100% bệnh viện tuyến tỉnh, bệnh viện khu vực bảo đảm nhân lực theo vị trí việc làm và danh mục kỹ thuật được phê duyệt.

100% trung tâm y tế khu vực có đủ bác sĩ ở các chuyên khoa thiết yếu.

100% Trạm Y tế cấp xã có bác sĩ làm việc; tăng cường mô hình luân phiên bác sĩ, hỗ trợ chuyên môn từ tuyến trên và khám bệnh, chữa bệnh từ xa nhằm nâng cao năng lực y tế cơ sở.

2.5. Nâng cao năng lực đào tạo và chuyển giao kỹ thuật

100% viên chức chuyên môn được đào tạo liên tục hằng năm theo quy định.

Mỗi năm cử từ 180-200 lượt viên chức tham gia đào tạo sau đại học, đào tạo chuyên sâu và bồi dưỡng chuyên môn.

Duy trì hợp tác với các trường đại học y, dược và các bệnh viện tuyến trung ương trong đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao kỹ thuật.

Mỗi năm tổ chức tối thiểu 20 chương trình đào tạo, chuyển giao kỹ thuật hoặc đào tạo tại chỗ.

100% bệnh viện tuyến tỉnh triển khai hội chẩn và đào tạo trực tuyến với các bệnh viện tuyến trên.

2.6. Thu hút, sử dụng và giữ chân nhân lực y tế chất lượng cao

Thu hút từ 70-100 bác sĩ là chuyên gia có trình độ cao về công tác tại tỉnh giai đoạn 2026-2030.

Tỷ lệ cán bộ được cử đi đào tạo trở về công tác tại tỉnh đạt 100% theo cam kết.

Tỷ lệ duy trì công tác sau 05 năm đối với nhân lực được thu hút hoặc đào tạo đạt từ 90% trở lên.

100% cán bộ thuộc diện thu hút, đào tạo được hưởng đầy đủ các chính sách hỗ trợ của tỉnh.

3. Định hướng đến năm 2045

Xây dựng đội ngũ nhân lực y tế chất lượng cao có cơ cấu hợp lý, trình độ chuyên môn tiệm cận các trung tâm y tế phát triển trong cả nước.

Hình thành đội ngũ chuyên gia đầu ngành, cán bộ quản lý và nhân lực kỹ thuật cao đủ năng lực làm chủ các kỹ thuật chuyên sâu, kỹ thuật cao tại các cơ sở y tế của tỉnh.

Phát triển Đắk Lắk trở thành trung tâm đào tạo, thực hành, nghiên cứu và phát triển nguồn nhân lực y tế chất lượng cao của khu vực Tây Nguyên.

Đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ, chuyển đổi số và y tế thông minh trong đào tạo, quản lý, sử dụng và phát triển nguồn nhân lực y tế.

II. PHẠM VI ÁP DỤNG

Đề án được triển khai trên phạm vi toàn tỉnh Đắk Lắk, áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị, tổ chức có liên quan đến công tác đào tạo, thu hút, sử dụng, quản lý và phát triển nguồn nhân lực y tế công lập, gồm:

- Các cơ quan quản lý nhà nước của tỉnh có chức năng, nhiệm vụ liên quan đến phát triển nguồn nhân lực y tế.

- Các đơn vị sự nghiệp y tế công lập thuộc phạm vi quản lý của Sở Y tế, bao gồm cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, y tế dự phòng, kiểm nghiệm, pháp y, giám định y khoa, cấp cứu, dân số, an toàn thực phẩm và các đơn vị sự nghiệp y tế công lập khác.

- Các cơ sở giáo dục, cơ sở đào tạo, bồi dưỡng nhân lực y tế; các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao kỹ thuật và phát triển nguồn nhân lực y tế trên địa bàn tỉnh.

- Các chương trình, đề án, dự án và hoạt động hợp tác trong nước, quốc tế liên quan đến phát triển nguồn nhân lực y tế trên địa bàn tỉnh.

III. ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG VÀ THỤ HƯỞNG

1. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp y tế công lập, cơ sở đào tạo và các tổ chức có liên quan đến việc triển khai Đề án.

2. Đối tượng thụ hưởng

Viên chức ngành Y tế, cán bộ quản lý, học sinh, sinh viên được cử đi đào tạo, chuyên gia và nhân lực y tế chất lượng cao được thu hút.

PHẦN V GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

I. HOÀN THIỆN CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC Y TẾ

Ban hành chính sách đặc thù của tỉnh về phát triển nhân lực y tế chất lượng cao theo hướng đồng bộ từ tuyển dụng, đào tạo, thu hút, sử dụng, đãi ngộ và giữ chân nhân lực.

Xây dựng cơ chế ưu tiên bố trí kinh phí đào tạo sau đại học, đào tạo chuyên sâu, đào tạo theo địa chỉ sử dụng đối với các chuyên ngành còn thiếu.

Ban hành chính sách hỗ trợ cán bộ y tế học tập nâng cao trình độ; hỗ trợ học phí, sinh hoạt phí, kinh phí nghiên cứu khoa học và chi phí đào tạo đối với các đối tượng được cử đi học.

Có cơ chế ràng buộc trách nhiệm phục vụ sau đào tạo, bảo đảm sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực và nguồn ngân sách nhà nước.

II. ĐỔI MỚI CÔNG TÁC TUYỂN DỤNG VÀ THU HÚT NHÂN LỰC

Hàng năm xây dựng kế hoạch tuyển dụng bác sĩ, dược sĩ và nhân lực y tế theo vị trí việc làm, phù hợp với quy hoạch phát triển hệ thống y tế.

Áp dụng chính sách thu hút, trọng dụng bác sĩ đa khoa, bác sĩ chuyên khoa, tiến sĩ, bác sĩ nội trú, chuyên gia đầu ngành và các chuyên gia có trình độ cao trong các lĩnh vực mũi nhọn.

Áp dụng cơ chế tuyển dụng linh hoạt gắn với nhu cầu thực tế của từng đơn vị; ưu tiên tuyển dụng sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, bác sĩ nội trú, thạc sĩ, tiến sĩ và các chuyên gia có trình độ chuyên môn cao.

III. ĐẨY MẠNH ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG NHÂN LỰC THEO NHU CẦU PHÁT TRIỂN

Xây dựng kế hoạch đào tạo giai đoạn 2026-2030 theo từng nhóm trình độ, chuyên ngành và từng tuyến chuyên môn nhằm bảo đảm hoàn thành các chỉ tiêu:

Đào tạo, thu hút bổ sung 750 bác sĩ.

Đào tạo 1.337 nhân lực sau đại học, trong đó ưu tiên bác sĩ nội trú, bác sĩ chuyên khoa I, bác sĩ chuyên khoa II, bác sĩ tiến sĩ và bác sĩ thạc sĩ.

Ưu tiên đào tạo các chuyên ngành còn thiếu hoặc có nhu cầu cao như: hồi sức cấp cứu, ngoại khoa, sản khoa, nhi khoa, ung bướu, tim mạch, chẩn đoán hình ảnh, xét nghiệm, gây mê hồi sức, kiểm soát nhiễm khuẩn, y học gia đình, y tế công cộng, quản lý bệnh viện và các chuyên ngành kỹ thuật y.

Mở rộng hình thức đào tạo liên thông, đào tạo vừa làm vừa học, đào tạo từ xa kết hợp thực hành lâm sàng phù hợp với điều kiện của địa phương.

Tăng cường đào tạo ngoại ngữ, công nghệ thông tin, chuyển đổi số, quản lý chất lượng bệnh viện, nghiên cứu khoa học và kỹ năng lãnh đạo cho đội ngũ cán bộ quản lý.

IV. TĂNG CƯỜNG LIÊN KẾT ĐÀO TẠO VỚI CÁC CƠ SỞ ĐÀO TẠO VÀ BỆNH VIỆN TUYẾN TRÊN

Thiết lập cơ chế hợp tác lâu dài với các trường đại học y, dược; bệnh viện tuyến trung ương và các bệnh viện chuyên khoa đầu ngành để đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao.

Mở rộng các chương trình đào tạo chuyên khoa I, chuyên khoa II, thạc sĩ, tiến sĩ ngay tại địa phương hoặc theo hình thức đào tạo vệ tinh nhằm giảm chi phí và tạo điều kiện cho cán bộ tham gia học tập.

Tăng cường chuyển giao kỹ thuật, đào tạo cầm tay chỉ việc, hội chẩn trực tuyến và đào tạo liên tục nhằm nâng cao năng lực chuyên môn cho đội ngũ y tế.

V. PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC TẠI CHỖ

Thực hiện đào tạo theo địa chỉ sử dụng đối với học sinh, sinh viên của tỉnh; ưu tiên con em vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Xây dựng nguồn cán bộ kế cận tại tất cả các đơn vị y tế; lựa chọn cán bộ trẻ có năng lực để đào tạo chuyên sâu, đào tạo sau đại học và bồi dưỡng kỹ năng quản lý.

Có lộ trình phát triển nghề nghiệp rõ ràng đối với bác sĩ, dược sĩ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y nhằm tạo động lực học tập và cống hiến lâu dài.

VI. NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG LÀM VIỆC VÀ CHÍNH SÁCH GIỮ CHÂN NHÂN LỰC

Tiếp tục đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện đại, ứng dụng chuyển đổi số và cải thiện điều kiện làm việc tại các cơ sở y tế.

Thực hiện đầy đủ các chế độ tiền lương, phụ cấp, thu nhập tăng thêm và các chính sách ưu đãi nghề theo quy định; nghiên cứu ban hành chính sách hỗ trợ nhà ở, phương tiện đi lại và điều kiện sinh hoạt đối với cán bộ làm việc tại vùng khó khăn.

Xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, minh bạch, tạo điều kiện để cán bộ phát huy năng lực, nghiên cứu khoa học và phát triển nghề nghiệp.

VII. BỐ TRÍ VÀ SỬ DỤNG HIỆU QUẢ NGUỒN NHÂN LỰC

Rà soát, sắp xếp và điều hòa nguồn nhân lực giữa các tuyến, các đơn vị; ưu tiên bố trí bác sĩ và nhân lực chất lượng cao cho tuyến cơ sở, vùng khó khăn.

Thực hiện luân phiên cán bộ, hỗ trợ chuyên môn giữa tuyến tỉnh và tuyến xã nhằm nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh tại cơ sở.

Gắn công tác quy hoạch, bổ nhiệm, sử dụng cán bộ với kết quả đào tạo, năng lực chuyên môn và hiệu quả công việc.

VIII. TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC QUẢN LÝ, GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ

Xây dựng cơ sở dữ liệu số về nhân lực y tế toàn tỉnh, quản lý theo vị trí việc làm, trình độ chuyên môn, nhu cầu đào tạo và quy hoạch phát triển.

Hàng năm tổ chức rà soát, đánh giá tiến độ thực hiện các chỉ tiêu đào tạo và thu hút nhân lực; kịp thời điều chỉnh kế hoạch phù hợp với nhu cầu thực tiễn.

Xác định trách nhiệm cụ thể của các sở, ngành, địa phương và các đơn vị y tế trong việc thực hiện các mục tiêu của Đề án; đưa kết quả phát triển nhân lực y tế vào tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các đơn vị.

IX. BẢO ĐẢM NGUỒN LỰC VÀ KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Huy động và bảo đảm nguồn lực

Huy động và sử dụng hiệu quả, hợp lý các nguồn lực để thực hiện Đề án, bao gồm ngân sách nhà nước theo phân cấp; nguồn thu hợp pháp của các đơn vị sự nghiệp công lập; nguồn xã hội hóa; nguồn viện trợ, tài trợ; nguồn hợp tác trong nước, quốc tế và các nguồn lực hợp pháp khác.

Ưu tiên bố trí nguồn lực cho các nhiệm vụ trọng tâm, cấp thiết, nhất là đào tạo sau đại học, đào tạo chuyên sâu, đào tạo theo địa chỉ sử dụng, đào tạo các chuyên ngành còn thiếu; thu hút, trọng dụng chuyên gia, nhân lực y tế chất lượng cao; nghiên cứu khoa học, chuyển giao kỹ thuật và phát triển năng lực chuyên môn của đội ngũ y tế.

Khuyến khích các cơ sở y tế, cơ sở đào tạo, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước tham gia hỗ trợ đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao kỹ thuật và phát triển nguồn nhân lực y tế phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Kinh phí thực hiện

Hằng năm, căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ của Đề án, kế hoạch triển khai được cấp có thẩm quyền phê duyệt và khả năng cân đối các nguồn lực, các cơ quan, đơn vị chủ động xây dựng dự toán kinh phí thực hiện theo nhiệm vụ được giao, gửi cơ quan có thẩm quyền tổng hợp, thẩm định và trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định theo quy định.

Kinh phí thực hiện Đề án được bố trí, sử dụng theo đúng phân cấp ngân sách, chức năng, nhiệm vụ và quy định của pháp luật hiện hành; việc quản lý, sử dụng và thanh, quyết toán kinh phí phải bảo đảm đúng mục đích, đúng đối tượng, tiết kiệm, hiệu quả, công khai, minh bạch, không để xảy ra thất thoát, lãng phí và tuân thủ các quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, đầu tư công, quản lý tài sản công và các quy định pháp luật có liên quan.

Trong quá trình thực hiện, căn cứ tình hình thực tế và khả năng huy động nguồn lực, Sở Y tế phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan rà soát, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh, bổ sung nguồn lực và kinh phí thực hiện Đề án cho phù hợp, bảo đảm hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra.

PHẦN VI

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Y tế

Là cơ quan thường trực, chủ trì tổ chức triển khai thực hiện Đề án; có trách nhiệm:

- Chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành kế hoạch triển khai thực hiện Đề án theo từng giai đoạn và hằng năm; hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện tại các cơ quan, đơn vị và địa phương.

- Chủ trì rà soát, đánh giá thực trạng, dự báo nhu cầu phát triển nguồn nhân lực y tế; xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, thu hút, sử dụng và phát triển nguồn nhân lực y tế chất lượng cao phù hợp với quy hoạch phát triển ngành, vị trí việc làm và nhu cầu của từng cơ quan, đơn vị.

- Chủ trì nghiên cứu, tham mưu cấp có thẩm quyền ban hành hoặc sửa đổi, bổ sung các cơ chế, chính sách về phát triển nguồn nhân lực y tế chất lượng cao; định kỳ rà soát, đánh giá, đề xuất điều chỉnh, hoàn thiện các cơ chế, chính sách phù hợp với yêu cầu thực tiễn.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương và các cơ sở đào tạo, bệnh viện tuyến trung ương, các tổ chức trong nước và quốc tế triển khai các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, chuyển giao kỹ thuật, nghiên cứu khoa học và hợp tác phát triển nguồn nhân lực y tế chất lượng cao.

- Xây dựng, quản lý và khai thác cơ sở dữ liệu về nguồn nhân lực y tế; thực hiện thống kê, cập nhật, dự báo và quản lý thống nhất nguồn nhân lực y tế trên địa bàn tỉnh phục vụ công tác quản lý, quy hoạch và phát triển ngành.

- Chủ trì huy động và lồng ghép các nguồn lực hợp pháp để triển khai thực hiện Đề án; theo dõi, kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện; định kỳ sơ kết, tổng kết, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và đề xuất các giải pháp nhằm bảo đảm hoàn thành các mục tiêu của Đề án.

2. Sở Nội vụ

- Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh giao biên chế công chức, số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực y tế hằng năm theo quy định của pháp luật.

- Phối hợp với Sở Y tế hướng dẫn việc xây dựng, quản lý và triển khai vị trí việc làm, bậc nghề nghiệp bảo đảm phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quy mô hoạt động và yêu cầu phát triển của hệ thống y tế trên địa bàn tỉnh.

- Phối hợp với Sở Y tế tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh về công tác quản lý nhà nước đối với viên chức; tham gia ý kiến đối với cơ chế, chính sách về thu

hút, sử dụng và phát triển nguồn nhân lực y tế chất lượng cao thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh; hướng dẫn thực hiện các quy định của pháp luật về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức theo quy định và theo phân cấp.

3. Sở Tài chính

Trên cơ sở đề nghị của Sở Y tế và các cơ quan liên quan, căn cứ khả năng cân đối ngân sách địa phương, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí thực hiện Đề án theo quy định của pháp luật.

4. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Phối hợp với Sở Y tế và các cơ sở đào tạo triển khai công tác định hướng nghề nghiệp, tuyển chọn học sinh tham gia đào tạo theo địa chỉ sử dụng, đặc biệt đối với vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

- Phối hợp trong công tác phát hiện, bồi dưỡng học sinh có năng lực, tạo nguồn đào tạo bác sĩ và nhân lực y tế chất lượng cao.

5. Sở Khoa học và Công nghệ

- Phối hợp triển khai các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo, chuyển giao công nghệ và chuyển đổi số trong đào tạo, quản lý và phát triển nguồn nhân lực y tế.

- Ưu tiên hỗ trợ các nhiệm vụ khoa học và công nghệ phục vụ phát triển chuyên môn kỹ thuật cao và xây dựng đội ngũ chuyên gia đầu ngành.

6. Các sở, ban, ngành liên quan

Theo chức năng, nhiệm vụ được giao, chủ động phối hợp với Sở Y tế triển khai các nội dung của Đề án; lồng ghép các mục tiêu phát triển nguồn nhân lực y tế vào chương trình, kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực; tạo điều kiện thuận lợi để thực hiện các chính sách đào tạo, thu hút và phát triển nhân lực y tế chất lượng cao.

7. Ủy ban nhân dân các xã, phường

- Phối hợp với Sở Y tế và các cơ quan liên quan triển khai thực hiện Đề án trên địa bàn.

- Quan tâm bố trí điều kiện làm việc, hỗ trợ đời sống đối với nhân lực y tế công tác tại địa phương, nhất là ở vùng khó khăn.

- Phối hợp tuyên truyền, vận động học sinh tham gia đào tạo theo địa chỉ sử dụng; tạo nguồn nhân lực y tế tại chỗ.

- Định kỳ báo cáo tình hình thực hiện các nhiệm vụ liên quan theo yêu cầu của Sở Y tế.

8. Các cơ sở y tế trực thuộc Sở Y tế và Trạm Y tế thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã

- Xây dựng kế hoạch phát triển nguồn nhân lực của đơn vị giai đoạn 2026 - 2030 và hằng năm phù hợp với vị trí việc làm, quy mô hoạt động và danh mục kỹ thuật.

- Chủ động rà soát nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng, thu hút, tuyển dụng; cử viên chức tham gia đào tạo theo kế hoạch được phê duyệt.

- Thực hiện hiệu quả công tác quản lý, sử dụng, đánh giá và phát triển đội ngũ; xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, tạo điều kiện để viên chức nghiên cứu khoa học, học tập nâng cao trình độ.

- Thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo, thống kê và cung cấp dữ liệu về nhân lực theo quy định.

9. Các cơ sở đào tạo, bệnh viện hợp tác và các tổ chức có liên quan

- Phối hợp với Sở Y tế trong đào tạo, bồi dưỡng, chuyển giao kỹ thuật, nghiên cứu khoa học và phát triển nguồn nhân lực y tế.

- Tăng cường hợp tác đào tạo thực hành, đào tạo sau đại học, đào tạo liên tục và hợp tác quốc tế nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực y tế của tỉnh.

10. Cơ chế theo dõi, giám sát và đánh giá

- Sở Y tế chủ trì xây dựng bộ chỉ số theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện Đề án; tổ chức kiểm tra, giám sát định kỳ và đột xuất.

- Các cơ quan, đơn vị, địa phương có trách nhiệm báo cáo kết quả thực hiện định kỳ 06 tháng, hằng năm hoặc khi có yêu cầu; kịp thời phản ánh những khó khăn, vướng mắc và đề xuất giải pháp.

- Hằng năm, Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức đánh giá kết quả thực hiện Đề án; biểu dương các tập thể, cá nhân thực hiện tốt; xem xét trách nhiệm đối với các cơ quan, đơn vị không hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Trên cơ sở kết quả thực hiện, Sở Y tế tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh; tham mưu tổ chức sơ kết giữa kỳ, tổng kết Đề án và đề xuất điều chỉnh mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp, nguồn lực phù hợp với tình hình thực tiễn, bảo đảm hoàn thành các mục tiêu đến năm 2030 và định hướng đến năm 2045./.
